**I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ LÀM KẾ HOẠCH**

Căn cứ vào Kế hoạch số:... KH/TĐ của tiểu đoàn triển khai bảo đảm Thông tin liên lạc.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình nhiệm vụ, biên chế về lực lượng PTTT của Đại đội.

**II. KẾT LUẬN ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÁC MẶT ẢNH HƯỞNG ĐẾN THÔNG TIN LIÊN LẠC**

**1. Tình hình chung**

Những năm gần đây tình hình thiên tai mưa, bão diễn biến hết sức phức tạp. Trên địa bàn Sư đoàn đảm nhiệm PCTT-TKCN năm 2023 mặc dù chưa xảy ra lũ lụt lớn xong thời tiết diễn biến hết sức phức tạp. Đòi hỏi lược lượng thông tin phải chẩn bị nhiều phương án PCTT-TKCN khi tình huống xảy ra.

**2. Tình hình ta**

Sư đoàn thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN trên địa bàn gồm 5 tỉnh, TTLL phải tổ chức nhiều phương án, bố trí nhiều lược lượng phương tiện khí tài.TTLL phải triển khai trong thời gian gấp, địa bàn không quen thuộc.

**3. Tình hình địa bàn thời tiết**

Địa hình nơi đơn vị thực hiện nhiệm vụ là địa hình trung du và đồng bằng, nhiều sông lớn, đường xá phất triển,nhiều nhà cao tầng, thông tin quân sự địa phương còn hạn chế, chủ yếu dựa vào thông tin bưu điện.Thời tiết mưa gió, bão lũ gây khó khăn cho việc triển khai bảo đảm thông tin nhất là thông tin VTĐ

**4**. **Các khu vực đơn vị bảo đảm**

- Huyện Lục ngạn- Tỉnh Bắc Giang.

- Sơn Động - Tỉnh Bắc Giang.

- Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh.

- TP Bắc Ninh- Tỉnh Bắc Ninh.

- Huyện Thuận Thành\_ Gia Bình\_ Lương Tài- Tỉnh Bắc Ninh.

- Huyện Thanh Hà- Tỉnh Hải Dương.

- Huyện Văn Giang-Tỉnh Hưng Yên.

- Huyện Hữu Lũng, TP Lạng Sơn- Tỉnh Lạng Sơn.

**III. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI, BẢO ĐẢM TTLL CỦA TIỂU ĐOÀN**

1. Duy trì và đảm bảo mạng thông tin VTĐ tại SCH thường xuyên của Sư đoàn thông suốt phục vụ sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ của đơn vị tại vị trí đóng quân.

2. Tổ chức bảo đảm thông tin VTĐ cho Sư đoàn chỉ huy các lực lượng cơ động tham gia thực hiện các nhiệm vụ theo các phương án của Sư đoàn.

3. Bảo đảm cho Sư đoàn liên lạc với trên, hiệp đồng với địa phương, Quân khu 1, 3, các đơn vị bạn trong khu vực đảm nhiệm.

4. Bảo đảm chuyển nhận kịp thời các tín hiệu TBBĐ.

5. Bảo đảm TTLL chỉ huy chỉ đạo công tác HC-KT.

**IV. SỬ DỤNG, BỒ TRÍ TRIỂN KHAI LƯỢC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**PHẦN I: HỆ THỐNG TTLL CỐ ĐỊNH:**

**1. Tổng trạm TT, trạm TT:**

- T4SCHtx/f tại Kép Hai ( 64.66.9) huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang hoạt động 24/24h.

**2. Triển khai HTTT VTĐ bảo đảm cho chỉ huy, hiệp đồng, TBBĐ:**

***\* LL với trên:***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 1 của Quân đoàn với f325 LL báo bằng m¸y VRU-611 ngày 8 phiên/ ngày (07.00-10.00-12.30-14.40- 16.00- 18.30- 20.00- 21.40) Theo quy ước LLtx.

- Đặt máy tham gia mạng số 10 của SCHtx/qđ với f325, TQS, Lu 203, Lu 164, Lu 673, bằng m¸y XD-D18 liên lạc thoại 24/24 giờ theo quy ước LLtx.

- Hướng định giờ (VC) số 10, 15, 16 của SCH tx quân đoàn với eBB95, eBB18, eBB101, LL báo bằng m¸y VRU 611 ngày 4 phiên: (06.30, 09.40, 17.00, 21.15) chế độ liên lạc báo + thoại theo quy ước thường xuyên.

\* Trung đoàn nào trực chiến thì làm việc với quân đoàn theo hướng vượt cấp trên ( Lấy quy ước eBB95)

- Đặt máy tham gia mạng số 11 TBBĐ của SCHtx/qđ: 24/24 giờ.

- Đặt máy tham gia mạng số 12 canh của SCHtx/qđ: 24/24 giờ.

- Đặt máy tham gia mạng số 13, 14 VTĐ scn của SCHtx/qđ với các đơn vị: 24/24 giờ.

***\* LL với dưới:***

- Triển khai máy tham gia Hướng định giờ số 1, 2, 3 của SCHtx/f325 với eBB18 bằng máy VRU 611: 3 phiên/ngày ( 07.30 – 14.00 – 22.00),với eBB95 (08.00 – 15.00), với eBB101 ( 09.00 – 12.00 - 16.00) theo quy ước LLtx.

- Triển khai máy tham gia Mạng số 4 VTĐscn của SCHtx/f325 với 3 eBB : 24/24h.

- Triển khai máy tham gia Mạng số 5 VTĐscn của SCHtx/f325 với các TDPK 3eBB + d16: 24/24h.

**PHẦN II: CƠ ĐỘNG, TRIỂN KHAI BẢO ĐẢM TTLL PCTT-TKCN Ở CÁC KHU VỰC:**

**A – TRIỂN KHAI CÁC TỔNG TRẠM, TRẠM TT:**

**1. Tại khu vực huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang**

- T4SCHtx/f tại Kép Hai (64. 66. 9) hoạt động 24/24h

**2. Tại khu vực huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang**

- T4SCHcđ/eBB18 tại: UBND TT An Châu

- T4SCHdb/eBB18 tại: Gốc Thâu/Cẩm Đàn

- T4SCHcđ/f tại: UBND TT An Châu

**3. Tại khu vực huyện Văn Giang – tỉnh Hưng Yên**

- T4SCHcđ/eBB18 tại: UBND xã Xuân Quang/Văn Giang/Hưng Yên

- T4SCHdb/eBB18 tại: Trườn THCS TT Văn Giang/Hưng Yên

- T4SCHcđ/f tại: UBND xã Xuân Quang/Văn Giang/Hưng Yên

**4. Tại khu vực huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn**

**-** T4SCH/f tại: Ga Sông Hoá- Chi L¨ng (84.56.6)

**-** T4SCHdb/f tại: BCHQS tp Lạng Sơn (Phường Chi Lăng) (94.62.1), BCHQS Cao Lộc.

**5. Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh**

- T4SCH/f tại: UBND Ph­êng Khóc Xuyªn - thành Phố Bắc Ninh(42.08.9).

**6. Tại khu vực huyện Quế Võ - Bắc Ninh:**

- T4SCH/f tại: UBND x· Bằng An- H.Quế Võ- BN (40.20.1).

- T4SCH/e101 tại: UBND x· QuÕ T©n – H.Quế Võ- BN (40.22.4).

**7. Tại khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh**:

- T4SCHcđ/f tại: Thôn Trung Thành - Đại La - H.Gia Bình - Bắc Ninh (32.24.9).

- T4SCHdb/f tại: §ång V¨n- H. ThuËn Thµnh- Bắc Ninh (30.10.8).

- T4SCHdb/f tại: Trung Kªnh- H.L­¬ng Tµi- Bắc Ninh (26.34.1).

**8.Tại khu vực huyện thanh Hà - Hải Dương :**

- T4SCH/f +eBB18 tại: Lai Xá- Thanh Thuỷ- Thanh Hà- HD (08.50.1)

**B. TRIỂN KHAI CÁC ĐƯỜNG TT VTĐ**

**1. Tại khu vực Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang**

***Tại T4SCHtx/f.***

- Hướng số 1 SCHtx/f LL với SCHcđ/e18 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Hướng số 2 SCHtx/f LL với d14 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Hướng số 3 SCHtx/f LL với d16 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- VC số 4 SCHtx/f LL với dBB8, cTT bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

**2. Tại khu vực huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang**

***+ Liên lạc với trên:***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 1 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 1 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết.

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia Hđg.Số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Triển khai máy tham gia M.Số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các dBB9/eBB18 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại.

**3. Tại khu vực huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên**

***+ Liên lạc với trên:***

- Đặt máy tham gia liên lạc Hđg.Số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia liên lạc M.Số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia liên lạc M.Số 02 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Khi liên lạc gặp khó khăn đặt máy tham gia liên lạc Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ.

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hđg.Số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Triển khai máy tham gia liên lạc M.Số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các dBB7/eBB18 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại.

**4. Tại khu vực khu vực huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn**.

***+ Liên lạc với trên:***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 1 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB95 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 1 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB95 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB95 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB95 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Khi liên lạc gặp khó khăn đặt máy tham gia liên lạc Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB95 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các c14, 15, 16, 17/eBB95 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại.

**5. Tại khu vực thành Phố Bắc Ninh.**

***+ Liên lạc với trên***:

- Đặt máyVRU- 812 tham gia mạng số 1 của BTTM (Gồm SCHcđ/f101, TQS, Lữ164 và TCCH/qđ, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 2 của SCHcđ/qđ xuống các dBB3, cTT18/eBB101 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Mạng canh số 10 VTĐsn tại SCHtx/qđ và số 11 VTĐscn tại SCHcđ/qđ

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB101 và BCHQS TP Bắc Ninh (dk) bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3 của SCHcđ/f( VC số 2/qđ) xuống các dBB/eBB101 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc cấp số 4 của SCHcđ/f xuống các c Trực thuộc/eBB101 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

**6. Tại khu vực huyên Quế Võ- Bắc Ninh**

***+ Liên lạc với trên***:

- Đặt máyVRU- 812 tham gia M.Số 05 của BTTM (Gồm SCHcđ/f325, Lữ164, 203 và TCCH/qđ- H.Quế Võ), LL chế độ thoại 24/24h.

- VC số 6/qđ xuống e101, d14, 15, 16, 17 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h

- Mạng canh số 10 VTĐsn tại SCHtx/qđ và số 11 VTĐscn tại SCHcđ/qđ

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hđg.Số 01 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên

- Triển khai máy tham gia liên lạc M.Số 02 của SCHcđ/f(VC số 6/qđ)với e101, d14, d15, d16, d17 (các đơn vị tự bảo đảm máy) bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h

- Triển khai máy tham gia liên lạc VC.Số 03 của SCHcđ/f xuống các dBB1,2,3/eBB101 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc VC.Số 04 của SCHcđ/f xuống các cTT/eBB101 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

**7. Tại khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành – tỉnh Bắc Ninh.**

***+ Liên lạc với trên***:

- Đặt máy VRU-611 tham gia mạng số 1 của SCHcđ/qđ tại Gia Bình với SCHcđ/f325, L219 và dk TCCH/qđ, LL chế độ thoại USB + báo CW Giờ LL: đầu giờ lẻ (07.00- 23.00) sẵn sàng LL 24/24 giờ.

- Đặt máy VRU-812 tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ tại Gia Bình với SCHcđ/f325,L219 và dk TCCH/qđ, LL chế độ thoại 24/24h

- Quân đoàn tổ chức mạng TBBĐ tại SCHtx

- Quân đoàn tổ chức mạng canh số 6 VTĐsn và số 7 VTĐscn.

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên ( 09.00, 16.00)

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB95 và BCHQS huyện Gia Bình bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3 của SCHcđ/f xuống các SCH/eBB95 ở các huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành bằng máy VRU-611 chế độ thoại USB 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 4 của f (số 3/qđ) xuống dBB5/e95 (Gia Bình) bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h

**8. Tại khu vực huyện Thanh Hà- tỉnh Hải Dương:**

***+ Liên lạc với trên:***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 1 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 1 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Khi liên lạc gặp khó khăn đặt máy tham gia Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ.

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên ( 09.00, 16.00)

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS huyện Thanh Hà bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3 của SCHcđ/f xuống các SCH/eBB18 ở các huyện Thanh Hà, Nam Sách, Chí Linh bằng máy VRU-611 chế độ thoại USB 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 4 của f (VC số 10/qđ) xuống dBB8/e18 (Thanh Hà) bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h

***+ Liên lạc hiệp đồng:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng HĐ số 1 của Quân khu 3 bằng máy VRU-611, LL báo - thoại ngày 3 phiên. Sẵn sàng LL 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng HĐ số 2 của Quân Khu 3 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h

**V. CÁC BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI GIỮ VỮNG TTLL**

- Tổ chức tăng phiên ca hợp lý, tăng người và phương tiện thông tin để giữ vững thông tin liên lạc trong mọi tình huống. Tập trung đảm bảo cho hướng các đơn vị làm nhiệm vụ của phương án.

- Kiểm tra thường xuyên hệ số kỹ thuật khí tài thông tin, tổ chức bảo quản, bảo dưỡng đúng đủ theo quy định, có biện pháp chống ẩm ướt cho các phương tiện làm việc ngoài trời.

- Kết hợp chặt chẽ giữa các phương tiện thông tin để đảm bảo TTLL thông suốt, duy trì tốt chế độ canh trực. Thường xuyên kiểm tra kỷ luật thông tin liên tục tránh lộ bí mật, nói rõ trên máy.

- Giáo dục tinh thần, ý thức cảnh giác, ý thức kỷ luật đối với CBCS thông tin toàn Sư đoàn.

- Các phương tiện, khí tài thông tin phải có ni long để che, bọc máy, tổ hợp, tài liệu.

- Khi cơ động phải bảo đảm ít nhất có 3 nguồn cho máy VTĐ và máy phát điện quay tay.

- Quá trình triển khai VTĐ phải triệt để tận dụng địa hình địa vật để mắc ănten cao, thường xuyên kiểm tra củng cố giữ vững liên lạc.

**VI. NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÔNG TIN THUỘC QUYỀN**

**1 -Tại khu vực huyện Lục Ngạn­­­­­ – Bắc Giang**

**\* Đại đội bộ**

- Quân số = 01đ/c.

- Phương tiện: Máy VRU-812= 01 bộ.

- Nhiệm vụ: chỉ huy chung hệ thống TT VTĐ.

**\*Trung đội 1**

- Quân số = 02 đ/c(CN= 01,HSQ-CS= 01).

- Phương tiện: Máy VRU-812= 01 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào H.số 01 của f để SCHtx/f liên lạc với SCHcđ/e18.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào H.số 02 của f để SCHtx/f chỉ huy d14.

**\*Trung đội 2**

- Quân số = 02 đ/c.

- Phương tiện: Máy VRP-811= 02 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào H.số 03 của f để SCHtx/f chỉ huy d15.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy vào VC.số 04 của f để SCHtx/f325 chỉ huy eBB18, vượt cấp liên lạc xuống dBB7, cTT.

**2 -Tại khu vực huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang**

**\*Trung đội 1**

- Quân số = 03 đ/c(SQ=01, HSQ-CS= 02).

- Phương tiện: Máy VRU-611= 03 bộ, VRU-812= 01 bộ, VRP-811A= 02 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐsn vào Hđg.số 01 của qđ để SCHcđ Sư đoàn liên lạc với SCH của eBB18( trong mạng còn có máy SCHtx của Quân đoàn vượt cấp xuống). Dự kiến khi có lệnh tham gia vào M.số 1 của qđ( trong mạng có SCH e18 và SCHcđ của Quân đoàn). Khi mất liên lạc gọi canh trên M.số 21 canh sn/qđ.

+ Triển khai , bảo đảm 02 máy VTĐsn H.đg số 1 của f để bảo đảm thông tin cho SCHtx liên lạc với SCHxđ của Sư đoàn. Khi mất liên lạc gọi canh trên M.số 21 canh sn/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-812 tham gia vào M.Số 02 của Quân đoàn để sư đoàn liên lạc với QĐ và CH eBB18 (trong mạng có SCHcđ qđ và CH eBB18).

**\*Trung đội 2**

- Quân số = 01 đ/c.

- Phương tiện: máy VTĐscn= 02 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRP-811 tham gia vào M.Số 02 của Sư đoàn để sư đoàn liên lạc với CH eBB18 dự kiến trong mạng có CHQS huyện.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRP-811 tham gia vào VC.số 03 của f để Sư đoàn liên lạc với CH eBB18 và dBB9 ( dự kiến trong mạng còn có Quân đoàn tham gia).

**3 -Tại khu vực huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh**

**\* Đại đội bộ**

- Quân số = 01đ/c.

- Phương tiện: Máy VRU-611= 03 bộ, VISAT= 01 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 02 máy VRU611 tham gia vào Hđg.số 01 của f để SCHtx/f liên lạc với SCHcđ/f. Mất liên lạc tham gia vào M.số 10 canh sn/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VISAT tham gia vào M.số 18 của BTTM.

**\*Trung đội 3**

- Quân số = 01 đ/c. Phương tiện: máy VRU-812= 07 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào M.số 18/BTTM, trong mạng có L219, L203, BTTM-QV dự kiến có SCHcđ qđ2.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào VC.số 02 của f trong mạng có eBB101, các dBB1,2,3; SCHcđ/qđ2.

+ Dự kiến trường hợp mất liên lạc thì chuyển về M.số 11 canh scn/qđ.

**4 -Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**

**\*Trung đội 1**

- Quân số = 02 đ/c.

- Phương tiện: máy VRU-611= 02 bộ, VRU-812= 02 bộ, VISAT= 01 bộ, máy nổ= 01 máy.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 02 máy VRU611 tham gia vào Hđg.số 01 của f để SCHtx/f liên lạc với SCHcđ/f (Mất liên lạc tham gia vào M.số 10 canh sn/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào M.số 01 của qđ, trong mạng có TQS, L164, BTTM- TP BN, SCHcđ/qđ.

+ Trường hợp mất liên lạc thì chuyển về M.số 11 canh scn/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VISAT tham gia vào Hđg.số 01 của f.

**\*Trung đội 2**

- Quân số = 01 đ/c.

- Phương tiện: máy VRU-812= 04 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào M.số 02 của f trong mạng có eBB101, dự kiến còn có BCHQS TP BN.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào VC.số 03 của f trong mạng có eBB101, dBB3, c18,24,25.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào VC.số 04 của f trong mạng có eBB101, d14,15,16,17,18 và SCHcđ/qđ.

+ Dự kiến trường hợp mất liên lạc thì chuyển về M.số 11 canh scn/qđ.

**5 - Tại khu vực huyện Gia Bình – Lương Tài – Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh**

**\*Trung đội 1**

- Quân số = 02 đ/c.

- Phương tiện: máy VRU-611= 04 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-611 tham gia vào M.số 01 của qđ trong mạng có L219 và SCHcđ/qđ( nếu mất liên lạc thì chuyển về M.số 06 canh sn/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 02 máy VRU-611 tham gia vào Hđg.số 01 của f (01 máy cho SCHcđ và 01 máy cho SCHtx).

+ Dự kiến triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-611 tham gia vào VC.số 03 của f trong mạng có SCH eBB95 ở G.Bình, L.Tài, T.Thành.

**\*Trung đội 3**

- Quân số = 03 đ/c.

- Phương tiện: máy VRP-811A= 03 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào M.số 02 của qđ trong mạng có L219, SCHcđ/qđ, TCCH/qđ(nếu mất liên lạc thì chuyển về M.số 07 canh scn/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào M.Số 02 của f trong mạng có eBB95 tại T.Thành (dự kiến trong mạng có BCHQS T.Thành).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào VC.Số 04 của f trong mạng có eBB95 tại T.Thành và dBB4, dBB5, c17,18,24; SCHcđ/qđ.

+ Dự kiến triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào VC.số 05 của f trong mạng có eBB95 tại L.Tài và dBB6, c18,20,24.

+ Dự kiến triển khai, bảo đảm 01 máy VTĐscn tham gia vào VC.Số 06 của f trong mạng có eBB95 tại G.Bình và dBB5, dBB5, c18, 24, 25.

**6-Tại khu vực huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương**

**\*Trung đội 1**

- Quân số = 01 đ/c.

- Phương tiện: máy VRU- 611= 05 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU- 611 tham gia vào Hđg.số 01 của qđ trong mạng có SCHtx/qđ dự kiến có eBB18( sẵn sàng qua M.số 01 của qđ để liên lạc trong mạng có eBB18, SCHcđ/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 02 máy VRU- 611 tham gia Hđg.số 01 của f( để SCHtx/f và SCHcđ/f liên lạc với nhau).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU- 611 tham gia M.HĐ số 01 của qk3.

**\*Trung đội 2**

- Quân số = 02 đ/c.

- Phương tiện: máy VRP- 811A= 02 bộ, VRU-812= 02 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-812 tham gia vào M.số 02 của qđ trong mạng có eBB18 và CHcđ/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-811 tham gia vào M.số 02 của f trong mạng có eBB18 dự kiến có CHQS h.Thanh Hà.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRP-811 tham gia vào VC.số 03 của f trong mạng có eBB18 dBB8, c17 và SCHcđ/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-812 tham gia vào M.HĐ số 02 của QK3.

**7 -Tại khu vực huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên**

**\*Trung đội 1**

- Quân số = 03 đ/c.

- Phương tiện: Máy VRU-611= 03 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-611 tham gia vào Hđg.số 01 của qđ trong mạng có SCHtx/qđ dự kiến có eBB18( khi được lệnh chuyển sang M.số 01 của qđ để liên lạc trong mạng có eBB18 và SCHtx/qđ.

+ Trong trường hợp không liên lạc được thì tham gia vào M.số 21 canh sn/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 02 máy VRU-611 tham gia Hđg.số 01 của f bảo đảm cho SCHtx/f liên lạc với SCHcđ/f.

**\*Trung đội 3**

- Quân số = 05 đ/c.

- Phương tiện: Máy VRU-812= 01 bộ, máy VRP-811A=4 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-812 tham gia vào M.Số 02 của qđ trong mạng có eBB18, SCHcđ/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRP-811 tham gia vào M.Số 02 của f trong mạng có eBB18 dự kiến có CHQS huyện.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-811 tham gia vào VC.Số 03 của f trong mạng có eBB18, dBB7, SCHcđ/qđ.

**8 -Tại khu vực huyện Hữu Lũng –T.p Lạng Sơn- tỉnh Lạng Sơn.**

**\*Trung đội 1**

- Quân số = 01 đ/c.

- Phương tiện: Máy VRU-611= 03 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-611 tham gia vào Hđg.số 01 của qđ trong mạng có SCHtx/qđ dự kiến có eBB95( khi được lệnh chuyển sang M.số 01 của qđ để liên lạc trong mạng có eBB18 và SCHcđ/qđ.

+ Trong trường hợp không liên lạc được thì tham gia vào M.số 21 canh sn/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 02 máy VRU-611 tham gia Hđg.số 01 của f bảo đảm cho SCHtx/f liên lạc với SCHcđ/f.

**\*Trung đội 3**

- Quân số = 03 đ/c.

- Phương tiện: Máy VRU-812= 01 bộ, máy VRP-811A=3 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-812 tham gia vào M.Số 02 của qđ trong mạng có eBB95, SCHcđ/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRP-811 tham gia vào M.Số 02 của f trong mạng có eBB95 dự kiến có CHQS huyện.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy VRU-811 tham gia vào VC.Số 03 của f trong mạng có eBB18, c14,15,16,17,18,24, SCHcđ/qđ.

**VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH VỀ HIỆP ĐỒNG, BẢO ĐẢM**

- Nhận tài liệu, quy ước, khí tài bổ sung tại tiểu đoàn trước khi đi làm nhiệm vụ.

- Tổ chức triển khai thông tin đồng loạt tại các đơn vị.

**VIII. TỔ CHỨC CHỈ HUY**

**1.Vị trí chỉ huy**

- VTCHtx Đại đội1 tại thị chấn Chũ (64.66.8)

- VTCH/c khi bảo đảm TTLL theo các phương án tại khu vực trùng với VTCH của d cụ thể như sau:

- Tại khu vực Quế Võ – Bắc Ninh VTCH/d: Bằng An- Quế Võ- Bắc Ninh (40.20.1)

- Khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận thành – Bắc Ninh VTCH/fd thôn Trung Thành - Đại La - Gia Bình - Bắc Ninh (32.24. 9)

- Tại khu vực huyện Thanh Hà - Hải Dương VTCH/d Tại Lai Xã- Thanh Thủy- Thanh Hà- Hải Dương (08.50.1)

- Khu vực tỉnh Hưng Yên VTCH/d, Trường THCS/ TT Văn Giang- Hưng Yên ( 16.94.4).

- Khu vực huyện Thanh Trì -TP Hà Nội VTCH/d tại Trường THCS Tả Thanh Oai (16.84.7).

- Khu vực tỉnh Lạng Sơn VTCH/d tại Ga sông Hóa- Chi Lăng (84.56.6).

- Khu vực huyện Sơn Động ( Bắc Giang ) tại Dốc Lẩy- Cẩm Đàn (63.82.7).

**2. Phân công chỉ huy**

- Chỉ huy lực lượng chống dột, chống sập tại trạm nước của sư đoàn và phòng, chống thiên tai và TKCN tại đơn vị: Đ/c Phó đại đội trưởng.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại vị trí đóng quân thường xuyên đ/c Phó đại đội trưởng

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Quế Võ – Bắc Ninh: đ/c bt/b2/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Thành phố– Bắc Ninh: đ/c ct/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Lương Tài – Gia Bình – Thuận Thành; đ/c bt/b1/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Thanh Hà - Hải Dương : đ/c bt/b2/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Văn Giang Hưng Yên : đ/c bt/b3/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực huyện Sơn Động Bắc Giang: đ/c bt/b3/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực huyện Hữu Lũng, TP Lạng Sơn tỉnh Lạng Sơn : đ/c bt/b2/c1.

**IX. CÁC MỐC THỜI GIAN**

1. Thời gian xây dựng kế hoạch TTLL xong trước: Ngày..../4/2023

2. Giao nhiệm vu cho cho các đơn vị: Ngày ..../4/2023

3. Thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị: Ngày ..../4/2023

4. Từ ngày ..../ ..../2023 sẵn sàng cơ động lực lượng, phương tiện thông tin đi thực hiện nhiệm vụ.

5. Báo cáo tình hình TTLL hàng ngày từ 14.00 – 14.30 về TB d18.

**X. CÁC PHỤ LỤC**

- Phân chia sử dụng lược lượng.

|  |
| --- |
| **ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG**  **Đại úy Hồ Hồng Phong** |

**PHÂN CHIA SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**KHI ĐỒNG THỜI XẢY RA TRÊN CÁC ĐỊA BÀN**

| **Đơn vị** | **Nhiệm vụ triển khai** | **Thời gian** | | | **VTĐ** | | | | | **HTĐ** | | | | | **MÁY NỔ** | **QB** | | **QUÂN SỐ** | | | | **CHỈ HUY** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hành quân** | **Triển khai** | **H. thành** | **XD- D9B1** | **VRU 611** | **M. Thu** | **VRU 812** | **VRP 811A** | **TĐ 20 số** | **MĐT nc** | **MĐT tđ** | **Dây (km)** | **VISAT** | **Xe đạp** | **SPH** | **+** | **SQ** | **CN** | **HSQ**  **- CS** |
| cbộ | Lục ngan-Bắc Giang |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 01 | 01 |  |  | Nguyễn Văn Dũng |  |
| b1 |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 02 |  | 01 | 01 |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  | 02 |  |  |  |  |  |  |  |  | 02 |  |  | 02 |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  |  |  | **02** | **02** |  |  |  |  |  |  |  |  | **05** | **01** | **01** | **03** |  |
| cbộ | Sơn Động- Bắc Giang |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Phạm Văn Đạt |  |
| b1 |  |  |  |  | 03 |  | 01 | 02 |  |  |  |  |  |  |  |  | 03 | 01 |  | 02 |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  | 02 |  |  |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  | 01 |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  |  | **03** |  | **01** | **04** |  |  |  |  |  |  |  |  | **04** | **01** |  | **03** |  |
| cbộ | Quế Võ- Bắc Ninh |  |  |  |  | 03 |  |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  |  | 01 | 01 |  |  | Hồ Hồng Phong |  |
| b1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  | 07 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  | 01 |  |
| **+** |  |  |  |  | **03** |  | **07** |  |  |  |  |  | **01** |  |  |  | **02** | **01** |  | **01** |  |
| cbộ | T.p- Bắc Ninh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Phạm Văn Dương |  |
| b1 |  |  |  |  | 02 |  | 02 |  |  |  |  |  | 01 | 01 |  |  | 02 |  |  | 02 |  |
| b2 |  |  |  |  | 01 |  | 02 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  | 01 |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **03** |  | **04** |  |  |  |  |  | **01** | **01** |  |  | **03** |  |  | **03** |  |
| cbộ | G.Bình, L.Tài, T.Thành |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Nguyễn Viết Hùng |  |
| b1 |  |  |  |  | 04 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 02 | 01 |  | 01 |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  | 03 |  |  |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  | 01 |  |
| **+** |  |  |  |  | **04** |  |  | **03** |  |  |  |  |  |  |  |  | **03** | **01** |  | **02** |  |
| cbộ | Thanh Hà- Hải Dương |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Đỗ Anh Tuyền |  |
| b1 |  |  |  |  | 05 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  | 01 |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  | 02 | 02 |  |  |  |  |  | 01 |  |  | 02 | 01 |  | 01 |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **05** |  | **02** | **02** |  |  |  |  |  | **01** |  |  | **03** | **01** |  | **02** |  |
| cbộ | Văn Giang-Hưng Yên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Võ Đức Mạnh |  |
| b1 |  |  |  |  | 03 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 03 |  | 02 | 01 |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  | 01 | 04 |  |  |  |  |  |  |  |  | 05 |  |  | 05 |  |
| **+** |  |  |  |  | **03** |  | **01** | **04** |  |  |  |  |  |  |  |  | **08** |  | **02** | **06** |  |
| cbộ | Hữu Lũng- Tp. Lạng Sơn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Phan Đình Nam |  |
| b1 |  |  |  |  | 03 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  | 01 |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  | 03 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  | 01 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 02 |  |  | 02 |  |
| **+** |  |  |  |  | **03** |  | **01** | **03** |  |  |  |  |  |  |  |  | **03** |  |  | **03** |  |

SƯ ĐOÀN 325 **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TIỂU ĐOÀN 18 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TĐ *Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của dTT18**

**SƯ ĐOÀN TRƯỞNG**

*Căn cứ vào kế hoạch số /KH – PTM ngày /03/2023 của PTM Sư đoàn về công tác phòng,chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023;*

*Căn cứ vào đặc điểm tình hình nhiệm vụ của Tiểu đoàn;*

*Theo đề nghị của Chủ nhiệm thông tin Sư đoàn và Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 18;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch số /KH-TĐ ngày tháng 4 năm 2023 của Tiểu đoàn 18 về việc bảo đảm TTLL phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023.

**Điều 2.** Đồng chí Chủ nhiệm thông tin Sư đoàn và Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 18chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban TT/PTM;  - C1, C2;  - Lưu TĐ. K06. | **TL. SƯ ĐOÀN TRƯỞNG**  **KT. THAM MƯU TRƯỞNG**  **PHÓ THAM MƯU TRƯỞNG** |